

Số: /TCBC-STP

Quảng Ninh, ngày tháng 02 năm 2026

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

**Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân,
Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh ban hành
trong tháng 01 năm 2026**

Thực hiện Điều 11 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012; Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân”; Văn bản số 2771/UBND-NC ngày 12/8/2025 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh, Sở Tư pháp ra Thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh, UBND tỉnh ban hành trong tháng 01 năm 2026, cụ thể như sau:

I. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC BAN HÀNH

Qua theo dõi, tổng hợp, Sở Tư pháp thấy rằng, trong tháng 01 năm 2026, số văn bản quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành là 10 văn bản (09 Quyết định của UBND tỉnh, 01 Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh), cụ thể như sau:

Các Quyết định do UBND tỉnh ban hành:

- Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá tính thuế Tài nguyên đối với các loại tài nguyên khai thác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;
- Quyết định số 02/2026/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh ban hành Quy định về Bộ đơn giá bồi thường tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh - Phần đơn giá bồi thường nhà, công trình giao thông, vật kiến trúc;
- Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh ban hành Quy định Định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;
- Quyết định số 04/2026/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh quy định chi tiết về trường hợp có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng cách xa địa điểm làm việc được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh theo Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29/5/2025 của Quốc hội;
- Quyết định số 06/2026/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh ban hành Quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng cơ quan, tổ chức,

đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh Quảng Ninh;

6. Quyết định số 07/2026/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

7. Quyết định số 08/2026/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh quy định phân cấp quản lý chợ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

8. Quyết định số 09/2026/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh quy định về cải tạo, chỉnh trang đối với các khu vực đô thị không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

9. Quyết định số 10/2026/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Các Quyết định do Chủ tịch UBND tỉnh ban hành:

1. Quyết định số 05/2026/QĐ-CTUBND ngày 20 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

II. HIỆU LỰC THI HÀNH, SỰ CẦN THIẾT, MỤC ĐÍCH BAN HÀNH VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Trên cơ sở thông tin do các sở, ban, ngành cung cấp¹, Sở Tư pháp thông tin về hiệu lực thi hành, sự cần thiết, mục đích ban hành và nội dung chủ yếu của 10 văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành trong tháng 01 năm 2026 như sau:

1. Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá tính thuế Tài nguyên đối với các loại tài nguyên khai thác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

a) Hiệu lực thi hành:

- Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18/01/2026.

- Bãi bỏ quy định về giá tính thuế tài nguyên của các mã nhóm, loại tài nguyên tương ứng tại các Quyết định Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

¹ Công văn số 505/SNV-VP ngày 27/01/2026 của Sở Nội vụ; Công văn số 539/SCT-QLTM ngày 02/02/2026 của Sở Công Thương; Công văn số 446/SGDĐT-VP ngày 04/02/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo; Công văn số 1224/STC-VP ngày 05/02/2026 của Sở Tài chính; Công văn số 1063/SXD-VP ngày 05/02/2026 của Sở Xây dựng; Công văn số 1683/SNN&MT-VP ngày 06/02/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

(1) Bãi bỏ tất cả giá tính thuế tài nguyên của các mã nhóm, loại tài nguyên quy định tại Quyết định số 66/2024/QĐ-UBND ngày 25/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Bảng giá tính thuế Tài nguyên đối với các loại tài nguyên khai thác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; trừ mã, nhóm, loại tài nguyên:

- Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình;
- Đá khai thác để san lấp, xây dựng công trình;
- Đá sau nổ mìn, đá xô bờ (khoáng sản khai thác);
- Đá dăm;
- Mạt đá;
- Cát vàng dùng trong xây dựng;
- Than bùn tuyển 4a do Tổng Công ty than Đông Bắc khai thác.

(2) Bãi bỏ tất cả giá tính thuế tài nguyên của các mã nhóm, loại tài nguyên quy định tại Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Bảng giá tính thuế Tài nguyên đối với các loại tài nguyên khai thác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; trừ mã, nhóm, loại tài nguyên: Cao lanh (Kaolin/đất sét trắng/đất sét trầm tích; Quặng Fenspat làm nguyên liệu gốm sứ).

(3) Bãi bỏ tất cả giá tính thuế tài nguyên của các mã nhóm, loại tài nguyên quy định tại Quyết định số 13/2024/QĐ-UBND ngày 15/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Bảng giá tính thuế Tài nguyên ban hành kèm theo Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đối với Than do Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam khai thác và Than do Tổng Công ty than Đông Bắc khai thác; trừ mã, nhóm, loại tài nguyên:

- * Than do Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam khai thác:
 - Than cục 6c;
 - Than bùn tuyển 4b;
 - Đất đá lẫn than bùn;
- * Than do Tổng Công ty than Đông Bắc khai thác:
 - Than cục xô 1a
 - Than cục 4a.1;
 - Than cám 7cMK.

(4) Bãi bỏ tất cả giá tính thuế tài nguyên của các mã nhóm, loại tài nguyên quy định tại Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND ngày 12/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Bảng giá tính thuế Tài nguyên đối với các loại tài nguyên khai thác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh ban hành kèm theo Quyết định

số 34/2023/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh; trừ Mã nhóm V10202 Nước thiên nhiên tinh lọc đóng chai, đóng hộp.

(5) Bãi bỏ tất cả giá tính thuế tài nguyên của các mã nhóm, loại tài nguyên quy định tại Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 12/9/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Bảng giá tính thuế Tài nguyên ban hành kèm theo Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh đối với các loại tài nguyên có giá tính thuế tài nguyên cao hơn 20% mức giá tối đa tại Khung giá của Bộ Tài chính; trừ Mã nhóm: Than cám 2 do Tổng Công ty Đông Bắc khai thác.

(6) Bãi bỏ tất cả giá tính thuế tài nguyên của các mã nhóm, loại tài nguyên quy định tại Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Bảng giá tính thuế Tài nguyên đối với các loại tài nguyên khai thác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Ninh.

(7). Bãi bỏ tất cả giá tính thuế tài nguyên của các mã nhóm, loại tài nguyên quy định tại Quyết định số 47/2022/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Bảng giá tính thuế Tài nguyên đối với các loại tài nguyên khai thác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Ninh; trừ Mã nhóm II160401 – II170401 Than bùn tuyển 1b do Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) khai thác.

(8) Bãi bỏ tất cả giá tính thuế tài nguyên của các mã nhóm, loại tài nguyên quy định tại Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 01/02/2022 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành Bảng giá tính thuế Tài nguyên đối với các loại tài nguyên khai thác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh (được đính chính bởi Văn bản số 5547/UBND-TM ngày 25/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh); trừ mã, nhóm, loại tài nguyên sau:

- Sỏi cuội 1x 2;
- Sỏi cuội 2x 4;
- Đá cấp phối;
- Than do Tổng Công ty Đông Bắc khai thác:
 - + Than cục 2a.1; 2a.2; 2a.3; 2b.1; 2b.2; 2b.3; 3a.1; 3a.2; 3b.1; 4b.3; 5b.1; 5b.2
 - + Than cục don 6a; 6b; 7a; 7b; 7c; 8a; 8b; 8c
 - + Than cám 1; 3a.2; 3b.2; 3c.2; 4a.2; 4a.4; 4b.4;
 - + Than bùn tuyển 2a, 2b, 3b; 4b; 4c.
- Điều khoản chuyển tiếp: Tiếp tục thực hiện giá tính thuế tài nguyên đối với các mã nhóm, loại tài nguyên quy định tại các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

(1) Tại Quyết định số 66/2024/QĐ-UBND ngày 25/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Bảng giá tính thuế Tài nguyên đối với các loại tài nguyên khai thác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh:

- + Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình;
- + Đá khai thác để san lấp, xây dựng công trình;
- + Đá sau nổ mìn, đá xô bồ (khoáng sản khai thác);
- + Đá dăm;
- + Mạt đá;
- + Cát vàng dùng trong xây dựng;
- + Than bùn tuyển 4a do Tổng Công ty than Đông Bắc khai thác.

(2) Tại Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Bảng giá tính thuế Tài nguyên đối với các loại tài nguyên khai thác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh: Cao lanh (Kaolin/đất sét trắng/đất sét trầm tích; Quặng Fenspat làm nguyên liệu gốm sứ).

(3) Tại Quyết định số 13/2024/QĐ-UBND ngày 15/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Bảng giá tính thuế Tài nguyên ban hành kèm theo Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đối với Than do Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam khai thác và Than do Tổng Công ty than Đông Bắc khai thác:

- * Than do Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam khai thác:
 - + Than cục 6c;
 - + Than bùn tuyển 4b;
 - + Đất đá lẫn than bùn;
- * Than do Tổng Công ty than Đông Bắc khai thác:
 - + Than cục xô 1a
 - + Than cục 4a.1;
 - + Than cám 7cMK.

(4) Tại Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND ngày 12/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Bảng giá tính thuế Tài nguyên đối với các loại tài nguyên khai thác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh: Mã nhóm V10202 Nước thiên nhiên tinh lọc đóng chai, đóng hộp.

(5) Tại Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 12/9/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Bảng giá tính thuế Tài nguyên ban hành kèm theo Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh đối với các loại tài nguyên có giá tính thuế tài nguyên cao hơn 20%

mức giá tối đa tại Khung giá của Bộ Tài chính: Than cám 2 do Tổng Công ty Đông Bắc khai thác.

(6) Tại Quyết định số 47/2022/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Bảng giá tính thuế Tài nguyên đối với các loại tài nguyên khai thác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Ninh: Mã nhóm II160401 – II170401 Than bùn tuyển 1b do Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) khai thác.

(7) Tại Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 01/02/2022 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành Bảng giá tính thuế Tài nguyên đối với các loại tài nguyên khai thác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh (được đính chính bởi Văn bản số 5547/UBND-TM ngày 25/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh):

- Sỏi cuội 1x 2;
- Sỏi cuội 2x 4;
- Đá cấp phối;
- Than do Tổng Công ty Đông Bắc khai thác:
 - + Than cục 2a.1; 2a.2; 2a.3; 2b.1; 2b.2; 2b.3; 3a.1; 3a.2; 3b.1; 4b.3; 5b.1; 5b.2
 - + Than cục don 6a; 6b; 7a; 7b; 7c; 8a; 8b; 8c
 - + Than cám 1; 3a.2; 3b.2; 3c.2; 4a.2; 4a.4; 4b.4;
 - + Than bùn tuyển 2a, 2b, 3b; 4b; 4c.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

Căn cứ khoản 5 Điều 6 Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về thuế tài nguyên và khoản 2 Điều 2 Thông tư số 41/2024/TT-BTC ngày 20/5/2024 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định Khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau và Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về Thuế tài nguyên: Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên để thực hiện cho năm tiếp theo liên kề như sau: “...Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên chậm nhất là ngày 31 tháng 12 hàng năm để công bố áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm tiếp theo liên kề.”

Căn cứ khoản 1 Điều 1 Thông tư số 05/2020/TT-BTC ngày 20/01/2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau: “Giá tính thuế tài

nguyên tại Bảng giá tính thuế tài nguyên phải phù hợp với khung giá tính thuế tài nguyên (lớn hơn hoặc bằng mức giá tối thiểu và nhỏ hơn hoặc bằng mức giá tối đa) của nhóm, loại tài nguyên tương ứng quy định tại khung giá tính thuế tài nguyên, trừ trường hợp quy định tại Điều 6 Thông tư này.”

- Mục đích ban hành: Bảo đảm tính thống nhất của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương và bảo đảm nguyên tắc Bảng giá tính thuế tài nguyên phải phù hợp với khung giá tính thuế tài nguyên theo quy định của Bộ Tài chính.

c) Nội dung chủ yếu: Quyết định gồm 05 điều, 01 phụ lục.

- Phạm vi điều chỉnh: Quy định Bảng giá tính thuế Tài nguyên đối với các loại tài nguyên khai thác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh tại phụ lục kèm theo Quyết định này. Các nội dung khác không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Đối tượng áp dụng: Đối tượng chịu thuế và người nộp thuế theo quy định tại Điều 2 và Điều 3 Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ Tài chính “Hướng dẫn về Thuế Tài nguyên”.

- Danh sách phụ lục kèm theo: Bảng giá tính thuế Tài nguyên đối với các loại tài nguyên khai thác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

2. Quyết định số 02/2026/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh ban hành Quy định về Bộ đơn giá bồi thường tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh - Phần đơn giá bồi thường nhà, công trình giao thông, vật kiến trúc

a) Hiệu lực thi hành:

- Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/02/2026.

- Quyết định này thay thế Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định về Bộ đơn giá bồi thường tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 22/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định về Bộ đơn giá bồi thường tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh - Phần đơn giá bồi thường công trình giao thông; Quyết định số 87/2025/QĐ-UBND ngày 24/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định về Bộ đơn giá bồi thường tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh và Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 22/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về Bộ đơn giá bồi thường tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh - Phần đơn giá bồi thường công trình giao thông.

- Quy định chuyển tiếp:

(1) Trường hợp đã phê duyệt phương án chi tiết về bồi thường trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì thực hiện theo phương án bồi thường đã phê duyệt.

(2) Trường hợp phương án chi tiết về bồi thường đã lập nhưng chưa được phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì áp dụng đơn giá bồi thường theo Điều 1 Quyết định này để điều chỉnh phương án chi tiết về bồi thường.

(3) Đối với phương án chi tiết về bồi thường đã được phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực nhưng có sự phát sinh về khối lượng tài sản, công trình, vật kiến trúc thì áp dụng đơn giá bồi thường theo Điều 1 Quyết định này để lập phương án chi tiết về bồi thường bổ sung đối với phần khối lượng tài sản, công trình, vật kiến trúc phát sinh.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

Cơ sở chính trị, pháp lý:

(1) Về thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật và văn bản điều hành: Tại khoản 3 Điều 1 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25/6/2025 quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định để quy định: “b) Biện pháp thi hành Hiến pháp, luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp về phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương; c) Biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương; phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp”; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định để quy định: “a) Biện pháp chỉ đạo, điều hành hoạt động của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; phối hợp hoạt động giữa các cơ quan chuyên môn, cơ quan, tổ chức khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; b) Phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp”;

(2) Về phân cấp và ủy quyền thực hiện nhiệm vụ: Theo khoản 1 Điều 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025 quy định về phân cấp: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp mình, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện liên tục, thường xuyên một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn mà mình được giao theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp pháp luật quy định không được phân cấp”.

(3) Về thẩm quyền ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, công trình xây dựng: Theo quy định tại khoản 4 Điều 102 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định: “4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng quy định tại Điều này để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất; đơn giá bồi thường thiệt hại quy định tại Điều này bảo đảm phù hợp với giá thị trường và phải xem xét điều chỉnh khi có biến động để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất.”

(4) Về thẩm quyền quy định mức bồi thường chi phí tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt tài sản: Theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Luật Đất đai số 31/2024/QH15

ngày 18 tháng 01 năm 2024 quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định: “2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định mức bồi thường tại khoản 1 Điều này.” (Khoản 1 quy định về chi phí thuê tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt tài sản và thiệt hại khi di chuyển hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất)

(5) Về xác định mức bồi thường nhà, công trình xây dựng theo tỷ lệ phần trăm: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định: “a) Mức bồi thường nhà, công trình xây dựng bằng tổng giá trị hiện có của nhà, công trình xây dựng bị thiệt hại và khoản tiền tính bằng tỷ lệ phần trăm theo giá trị hiện có của nhà, công trình xây dựng đó. Giá trị hiện có của nhà, công trình xây dựng bị thiệt hại được xác định theo quy định tại điểm b khoản này. Khoản tiền tính bằng tỷ lệ phần trăm theo giá trị hiện có của nhà, công trình xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định, nhưng mức bồi thường không quá 100% giá trị xây dựng mới của nhà, công trình xây dựng có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương với nhà, công trình xây dựng bị thiệt hại;”

(6) Về bồi thường cho nhà, công trình không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành: Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 14 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định: “d) Đối với nhà, công trình xây dựng không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật chuyên ngành thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định mức bồi thường cụ thể cho phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.”

(7) Về việc ban hành đơn giá dựa trên tình hình thực tế địa phương (theo quy định sửa đổi mới nhất): Theo quy định tại khoản 2 Điều 14a (được bổ sung bởi Điều 2 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025) quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định: “2. Trường hợp khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại... mà chưa có quy trình sản xuất... được cấp có thẩm quyền ban hành thì căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương để ban hành.”

Cơ sở thực tiễn:

Tại khoản 4 Điều 102 Luật Đất đai năm 2024 quy định: “4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng quy định tại Điều này để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất; đơn giá bồi thường thiệt hại quy định tại Điều này bảo đảm phù hợp với giá thị trường và phải xem xét điều chỉnh khi có biến động để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất”.

Ngày 24/10/2025, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 87/2025/QĐUBND sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của UBND tỉnh ban hành quy định về Bộ đơn giá bồi thường tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh - Phần đơn giá bồi thường nhà, vật kiến trúc và Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 22/11/2024 của UBND tỉnh ban hành Quy định về Bộ đơn giá bồi

thường tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh - Phần đơn giá bồi thường công trình giao thông, quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Trước mắt, việc UBND tỉnh ban hành Quyết định số 87/2025/QĐ-UBND sẽ giải quyết được các nội dung bất cập của năm 2025; tuy nhiên, theo quy định tại khoản 4 Điều 102 Luật Đất đai 2024 “...đơn giá bồi thường thiệt hại quy định tại Điều này bảo đảm phù hợp với giá thị trường và phải xem xét điều chỉnh khi có biến động để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất”, Sở Xây dựng nhận thấy nội dung đơn giá chi tiết được ban hành kèm theo Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 và Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 22/11/2024 của UBND tỉnh tính đến thời điểm hiện tại chưa phản ánh đúng tính chất giá thị trường. Cụ thể, 02 Quyết định của UBND tỉnh về bộ đơn giá bồi thường đang được tính toán xác định theo cơ chế chính sách và dữ liệu đầu vào ở thời điểm Quý I/2024, đến nay một số cơ chế chính sách và cơ sở dữ liệu đầu vào đã có sự thay đổi như: (1) Đơn giá nhân công được xác định theo Quyết định số 5010/QĐ-SXD ngày 07/12/2023 của Sở Xây dựng (đã được thay thế bằng Quyết định số 4645/QĐ-SXD ngày 15/11/2024, hiện tại Sở Xây dựng chủ trì phối hợp cùng các đơn vị đang thực hiện việc khảo sát, tổng hợp các thông tin và tính toán để công bố lại đơn giá nhân công xây dựng cho phù hợp với các quy định ở thời điểm hiện tại); (2) Giá ca máy và thiết bị thi công xác định theo Quyết định số 5253/QĐ-SXD ngày 22/12/2023 (đã được thay thế bởi Quyết định số 4908/QĐ-SXD ngày 26/11/2024, hiện tại Sở Xây dựng chủ trì phối hợp cùng các đơn vị đang thực hiện việc khảo sát, tổng hợp các thông tin và tính toán để công bố lại đơn giá ca máy xây dựng cho phù hợp với các quy định ở thời điểm hiện tại tương tự như đơn giá nhân công xây dựng); (3) Giá vật liệu xây dựng được xác định theo giá vật liệu được Sở Xây dựng công bố thời điểm Quý I/2024 (theo Văn bản số 1482/CBG-SXD ngày 15/4/2024), đến thời điểm hiện tại vật liệu xây dựng có sự biến động tăng so với quý I/2024.

- Mục đích ban hành: Để các đơn vị liên quan áp dụng được đơn giá bồi thường trong quá trình thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng trên địa bàn tỉnh.

c) Nội dung chủ yếu: Quyết định gồm 05 điều. Quyết định ban hành kèm theo Quy định về bộ đơn giá bồi thường tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh - Phần đơn giá bồi thường nhà, công trình giao thông, vật kiến trúc. Quy định gồm 02 phần. Cụ thể:

Phần I: Quy định áp dụng (gồm 02 điều);

Phần II: Đơn giá bồi thường nhà, công trình giao thông, vật kiến trúc (gồm 03 điều).

- Đối tượng áp dụng:

- + Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai;
- + Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng;

+ Người sử dụng đất quy định tại Điều 4 của Luật Đất đai năm 2024 khi Nhà nước thu hồi đất;

+ Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

- Các quy định chính:

(1) Quy định áp dụng:

+ Nội dung bộ đơn giá: Giải thích về phương pháp lập đơn giá.

+ Quy định áp dụng đơn giá bồi thường.

(2) Đơn giá bồi thường nhà, công trình giao thông, vật kiến trúc:

+ Đơn giá bồi thường nhà và công trình phục vụ sinh hoạt.

+ Đơn giá vật kiến trúc.

+ Đơn giá bồi thường công trình giao thông.

3. Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh ban hành Quy định Định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

a) Hiệu lực thi hành:

- Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28/01/2026.

- Các dự án điều tra, đánh giá đất đai đã được lập trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành mà chưa được thẩm định, phê duyệt thì thực hiện như sau:

+ Đối với khối lượng công việc đã thực hiện và được nghiệm thu trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì không phải điều chỉnh theo quy định tại Quyết định này.

+ Đối với khối lượng công việc chưa thực hiện thì điều chỉnh theo quy định tại Quyết định này.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

Cơ sở chính trị, pháp lý:

Thực hiện triển khai Luật Đất đai năm 2024 và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai, trong đó có nhiều nội dung liên quan đến việc giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ công. Ngày 20/9/2024, Bộ Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 6647/BTNMT-QHPTTND gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề nghị các địa phương ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý đất đai tại địa phương.

Ngày 21 tháng 7 năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định số 2855/QĐ-UBND về việc phê duyệt Danh mục quyết định của

UBND tỉnh được văn bản quy phạm pháp luật Trung ương giao quy định chi tiết; trong đó giao sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức soạn thảo, xây dựng quyết định của UBND tỉnh về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đảm bảo chất lượng, tiến độ, trình độ, thủ tục theo quy định pháp luật hiện hành về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Cơ sở thực tiễn:

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất có ý nghĩa quan trọng, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực và địa phương; khoanh vùng không gian sử dụng đất; hoạch định và phân bổ các chỉ tiêu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực và địa phương; đưa đất đai thực sự là nguồn lực quan trọng phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, gắn với bảo vệ môi trường. Vì vậy, việc xây dựng bộ định mức cấp tỉnh là yêu cầu bắt buộc để đảm bảo công tác quản lý đất đai của tỉnh Quảng Ninh có căn cứ pháp lý và tài chính cụ thể, phục vụ việc lập kế hoạch, dự toán, nhiệm vụ, dự án trong lĩnh vực lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh.

- Mục đích ban hành: Tạo lập cơ sở pháp lý cho việc lập dự án, triển khai thực hiện, thẩm định và quyết toán các công việc về lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất tỉnh Quảng Ninh; lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

c) Nội dung chủ yếu: Quyết định gồm 03 điều. Quyết định ban hành kèm theo Quy định Định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Quy định gồm 02 phần. Cụ thể:

- Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định Định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất áp dụng cho các công việc sau:

- + Lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất tỉnh Quảng Ninh;
- + Lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp xã (gồm: xã và đặc khu);
- + Lập, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất 05 năm cấp xã (phường).

- Đối tượng áp dụng:

+ Định mức kinh tế - kỹ thuật này áp dụng cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất tỉnh Quảng Ninh; lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã (gồm: xã, phường và đặc khu thuộc tỉnh) theo quy định của pháp luật về đất đai.

+ Định mức này áp dụng để tính đơn giá, dự toán kinh phí thực hiện việc lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất tỉnh Quảng Ninh; lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã (gồm: xã, phường và đặc khu thuộc tỉnh) theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Các quy định chính:

(1) Phần I: Quy định chung

- + Hệ số điều chỉnh và nguyên tắc áp dụng;
- + Quy định về sử dụng định mức;
- + Các quy định khác.

(2) Phần II: Định mức kinh tế - kỹ thuật:

- + Lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất tỉnh Quảng Ninh;
- + Lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp xã;
- + Lập, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất 05 năm cấp xã.

4. Quyết định số 04/2026/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh quy định chi tiết về trường hợp có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng cách xa địa điểm làm việc được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh theo Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29/5/2025 của Quốc hội

a) Hiệu lực thi hành:

- Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày 01/02/2026 đến hết ngày 31/5/2030.

- Trường hợp các quy định được viện dẫn trong Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các quy định mới ban hành.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

Cơ sở chính trị, pháp lý:

(1) Tại khoản 2 Điều 9 Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29/5/2025 của Quốc hội quy định: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết về trường hợp có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng cách xa địa điểm làm việc được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội”.

(2) Tại Nghị quyết số 155/NQ-CP ngày 01/6/2025 của Chính phủ giao: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ điều kiện thực tế tại địa phương, ban hành quy định chi tiết về trường hợp người có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng cách xa địa điểm làm việc được xem xét hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội theo khoản 2 Điều 9 của Nghị quyết số 201/2025/QH15. Thời hạn: Ban hành trong tháng 6 năm 2025, bảo đảm có hiệu lực đồng bộ với Nghị quyết số 201/2025/QH15”.

(3) Tại điểm b, điểm e khoản 1 Điều 50 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và điểm đ khoản 2 Điều 50 (sửa đổi, bổ sung tại khoản 18 Điều 11 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025) quy định:

“Điều 50. Trường hợp và thẩm quyền quyết định xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn

1. Việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn thuộc trường hợp sau đây: ... b) Trường hợp cấp bách để giải quyết vấn đề phát sinh trong thực tiễn; ... e) Trường hợp ban hành văn bản quy định chi tiết của văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn và trong trường hợp đặc biệt.

2. Thẩm quyền quyết định việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn: ... đ) Thường trực Hội đồng nhân dân theo đề nghị của cơ quan trình quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân; Chủ tịch Ủy ban nhân dân theo đề nghị của cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành quyết định của Ủy ban nhân dân; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tự mình hoặc theo đề nghị của cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành quyết định của mình”.

Cơ sở thực tiễn:

(1) Đề quyết tâm hoàn thành chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 444/QĐ-TTg ngày 27/02/2025 cho tỉnh phải hoàn thành số lượng căn hộ hoàn thành nhà ở xã hội trong năm 2025 cũng như cho giai đoạn 2025-2030 là 17.588 căn và đánh giá của Bộ Xây dựng gửi tỉnh Quảng Ninh tại văn bản số 2013/BXD-QLN ngày 15/4/2025 về đơn đốc hoàn thành chỉ tiêu nhà ở xã hội năm 2025. Bộ Xây dựng đã chỉ đạo thực hiện một số nội dung cụ thể tại Công điện số 19/CĐ-BXD ngày 22/5/2025, đồng thời UBND tỉnh đã chỉ đạo các nội dung cần thực hiện cụ thể tại Văn bản số 1618/UBND-XDMT ngày 26/5/2025 .

(2) Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2025 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1268/QĐ-UBND ngày 25/4/2025 và Quyết định số 3435/QĐ-UBND ngày 08/9/2025 với 43 dự án nhà ở xã hội dự kiến triển khai trong giai đoạn 2021- 2025, khoảng trên 55.000 căn nhà ở xã hội, trong đó tập trung chủ yếu tại các đô thị, trung tâm kinh tế, sản xuất công nghiệp chính của tỉnh .

(3) Trong quá trình phối hợp với các đơn vị xác minh các đối tượng được dự kiến đủ điều kiện mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội tại dự án Khu nhà ở xã hội thuộc khu dân cư đôi ngân hàng, phường Hồng Hải và phường Cao Thắng, thành phố Hạ Long (nay là phường Hà Lâm và phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh), Sở Xây dựng nhận thấy có một số các đối tượng có hộ khẩu thường trú ở ngoài địa bàn tỉnh Quảng Ninh, hiện đang tạm trú và làm việc tại tỉnh Quảng Ninh; đồng thời có nhiều đối tượng không đủ điều kiện được mua nhà ở xã hội do đã có nhà ở thuộc sở hữu của mình tại các địa phương khác.

- Mục đích ban hành:

+ Tạo điều kiện cho đối tượng lao động được hưởng chính sách về nhà ở xã hội, giảm được hao phí thời gian, tiết kiệm chi phí cho việc di chuyển từ nơi ở đến

nơi làm việc, giảm thiểu các rủi ro có thể xảy ra, bảo toàn sức lao động ... góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động cũng như nâng cao năng suất lao động.

+ Mở rộng thị trường, đảm bảo đầu ra của các dự án nhà ở xã hội, thúc đẩy các nhà đầu tư quan tâm, đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên địa bàn góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội địa phương.

c) Nội dung chủ yếu: Quyết định gồm 03 điều. Quyết định ban hành kèm theo Quy định chi tiết về trường hợp có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng cách xa địa điểm làm việc được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh theo Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29/5/2025 của Quốc hội. Quy định gồm 04 điều. Cụ thể:

- Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định chi tiết khoản 2 Điều 9 Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29/5/2025 của Quốc hội về trường hợp người có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng cách xa địa điểm làm việc được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

- Đối tượng áp dụng: Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến chính sách hỗ trợ nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

- Các quy định chính:

+ Điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ: Đối với đối tượng thông thường: Có nhà ở duy nhất cách xa nơi làm việc từ 30 km trở lên và làm việc liên tục tại tỉnh tối thiểu 12 tháng; Đối với lực lượng vũ trang nhân dân: Có nhà ở duy nhất cách xa nơi làm việc từ 10 km trở lên; Khoảng cách được xác định theo lộ trình ngắn nhất từ nhà ở đến nơi làm việc.

+ Quy định về khoảng cách từ nơi làm việc đến dự án nhà ở xã hội: Đối tượng thông thường được đăng ký dự án trong phạm vi dưới 15 km tính từ địa điểm làm việc; Đối tượng lực lượng vũ trang được đăng ký dự án trong phạm vi dưới 7 km tính từ địa điểm làm việc.

5. Quyết định số 06/2026/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh ban hành Quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng cơ quan, tổ chức, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh Quảng Ninh

a) Hiệu lực thi hành:

- Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày 26/01/2026.

- Quyết định này thay thế Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh ban hành quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

Cơ sở chính trị, pháp lý:

(1) Tại khoản 3 Điều 1 Luật số 87/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung Điều 21 Luật số 64/2025/QH15:

“2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định để quy định:

a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên”

c) Biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương; phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp.”

(2) Tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 48/2023/NĐ-CP ngày 17/7/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức “Căn cứ quy định của cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức, viên chức về đánh giá, xếp loại chất lượng, cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng cán bộ, công chức, viên chức ban hành Quy chế đánh giá phù hợp với đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình”.

(3) Tại khoản 1 Điều 25 Luật Cán bộ, công chức năm 2025 quy định Nguyên tắc thực hiện đánh giá: “... b) Nội dung đánh giá phải được định lượng tối đa về tiến độ, chất lượng hiệu quả gắn với vị trí việc làm”

Tại khoản 3 Điều 25 Luật Cán bộ, công chức quy định Phương thức đánh giá: “a) Theo dõi, đánh giá thường xuyên, liên tục, đa chiều, định lượng bằng các tiêu chí cụ thể gắn với tiến độ, chất lượng của kết quả, sản phẩm theo từng vị trí việc làm; ...”

(4) Tại khoản 5 Điều 40 Luật Cán bộ, công chức năm 2025 quy định về Nội dung quản lý cán bộ, công chức: “5. Sử dụng, phân công, bố trí, kiểm tra, đánh giá, tạm đình chỉ công tác; đào tạo, bồi dưỡng, thi đua, khen thưởng; thực hiện chế độ tiền lương, cho thôi việc, nghỉ hưu và các chế độ, chính sách khác”.

(5) Tại điểm b khoản 1 Điều 25 Luật Viên chức năm 2025 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2026) quy định về Nguyên tắc thực hiện đánh giá viên chức: “Nội dung đánh giá phải được định lượng trên cơ sở các tiêu chí gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ theo từng vị trí việc làm”.

(6) Tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 90/2020/NĐ-CP của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 48/2023/NĐ-CP) quy định: “1. Căn cứ quy định của cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức, viên chức về đánh giá, xếp loại chất lượng, cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng cán bộ, công chức, viên chức ban hành Quy chế đánh giá phù hợp với đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình.

Nội dung Quy chế phải xác định rõ sản phẩm cụ thể gắn với từng vị trí việc làm, tiêu chí đánh giá chất lượng, hiệu quả, thời điểm đánh giá theo quý, tháng

hoặc tuần (nếu có); căn cứ để xác định tỉ lệ % mức độ hoàn thành công việc; các tiêu chí thành phần để đánh giá và xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, trong đó có tính đến tỷ lệ khối lượng công việc của cán bộ, công chức, viên chức đã thực hiện so với khối lượng công việc chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị; khuyến khích áp dụng công nghệ thông tin để thực hiện đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, bảo đảm phù hợp với các quy định tại Nghị định này.”

(7) Tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 26 Nghị định số 335/2025/NĐ-CP yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm:

“a) Chỉ đạo, hướng dẫn, xây dựng và ban hành tiêu chí cụ thể đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tổ chức thuộc phạm vi quản lý; tiêu chí chung và tiêu chí kết quả thực hiện nhiệm vụ đối với công chức, gồm: Danh mục sản phẩm/công việc, Đơn vị sản phẩm/công việc chuẩn và Danh mục sản phẩm/công việc quy đổi của cơ quan, hoàn thành chậm nhất ngày 30 tháng 6 năm 2026.

b) Tổ chức triển khai việc theo dõi, đánh giá công chức theo tháng hoặc quý, xếp loại chất lượng đối với tổ chức, công chức trong phạm vi quản lý, bảo đảm đúng nguyên tắc, tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định này; chủ động nghiên cứu thêm phương pháp theo dõi, đánh giá công chức phù hợp với đặc thù công việc, điều kiện cụ thể của cơ quan, tổ chức, đơn vị (nếu có)”;

Nghị định số 335/2025/NĐ-CP ngày 21/12/2025 quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước và công chức có hiệu lực từ ngày 01/01/2026.

Cơ sở thực tiễn:

(1) Tại khoản 1 Điều 1 Quy định số 366-QĐ/TW ngày 30/8/2025 của Ban Chấp hành Trung ương quy định: “Các cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm toàn diện về việc tổ chức thực hiện; căn cứ quy định của Bộ Chính trị để cụ thể hoá về nội dung kiểm điểm, bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại cho từng đối tượng tập thể, cá nhân thuộc quyền quản lý phù hợp với đặc điểm, tình hình của địa phương, tổ chức, cơ quan, đơn vị”.

(2) Tại mục 5 Hướng dẫn số 43-HD/BTCTW ngày 31/10/2025 của Ban Tổ chức Trung ương quy định thực hiện việc đánh giá định kỳ hằng quý đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; theo đó, tại Tiểu mục 5.2 mục 5 quy định: “Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị căn cứ các quy định hiện hành và định hướng tại Tiểu mục 5.1, chịu trách nhiệm chỉ đạo cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc thực hiện việc đánh giá cán bộ hằng quý theo cấp quản lý đảm bảo thống nhất, đồng bộ”.

(3) Tại khoản 2 Kết luận số 198-KL/TW ngày 08/10/2025 của Bộ Chính trị kết luận: “Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị căn cứ các quy định hiện hành có trách nhiệm tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện việc đánh giá định kỳ hằng quý đối với cán bộ thuộc diện cấp mình quản lý, trong đó tập trung vào các nội dung, tiêu chí định hướng nêu tại mục (1); đồng thời, trên cơ sở

xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với cán bộ, xem xét, quyết định điều chuyển, bố trí công tác khác đối với cán bộ có vi phạm, khuyết điểm hoặc không hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao.”

(4) Tại Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 06/10/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2025-2030 có nêu các nhiệm vụ chủ yếu: “Thường xuyên đánh giá hoạt động của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị đảm bảo hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân”; “Đánh giá, hoàn thiện việc thực hiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo mô hình mới”; “Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyển dụng, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, sử dụng, đề bạt, bố trí cán bộ; kiên quyết khắc phục hiệu quả tình trạng né tránh, đùn đẩy, sợ sai, sợ trách nhiệm, đồng thời bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung”

(5) Tại khoản 5.2 mục 5 Văn bản số 103-CV/TU ngày 11/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo: “Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh: Rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành các văn bản có liên quan về kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng đối với chính quyền cấp xã; tổ chức, cơ quan, đơn vị, tập thể lãnh đạo, quản lý, cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước theo phân cấp quản lý.”

Do vậy, để đảm bảo công tác đánh giá, xếp loại chất lượng cơ quan, tổ chức, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh áp dụng từ ngày 01/01/2026 phục vụ kỳ đánh giá xếp loại Quý I/2026, tỉnh cần phải ban hành Quyết định kèm theo Quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng cơ quan, tổ chức, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh (thay thế Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND).

- Mục đích ban hành: Để làm cơ sở triển khai đánh giá thường xuyên, liên tục, đa chiều, định lượng bằng các tiêu chí cụ thể gắn với tiến độ, chất lượng của kết quả, sản phẩm công việc, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

c) Nội dung chủ yếu: Quyết định gồm 03 điều. Quyết định ban hành kèm theo Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cơ quan, tổ chức, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Quy định gồm 04 chương, 26 điều, 02 phụ lục. Cụ thể:

- Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định cụ thể nguyên tắc, tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Đối tượng áp dụng:

(1) Đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị

+ Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

+ Ủy ban nhân dân cấp xã;

+ Phòng và tương đương thuộc cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

(2) Đối với cá nhân

+ Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

+ Viên chức lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

+ Cán bộ, công chức, viên chức do các cơ quan, đơn vị, địa phương cấp tỉnh, cấp xã quản lý:

Cán bộ cấp xã: Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Trưởng ban chuyên trách (nếu có); Phó trưởng ban chuyên trách của Hội đồng nhân dân.

Công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính cấp tỉnh (Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành), cấp xã (các phòng, ban chuyên môn, Trung tâm Phục vụ Hành chính công);

Viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; trực thuộc sở, ban, ngành; trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã; trực thuộc đơn vị sự nghiệp công lập.

- Các quy định chính:

+ Quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức với các nội dung về thẩm quyền công nhận kết quả, tiêu chí, mức xếp loại và trình tự, thủ tục thực hiện

+ Quy định về theo dõi, đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức bao gồm thẩm quyền, trách nhiệm, tiêu chí, phương pháp đánh giá, trình tự, thủ tục, mức xếp loại, giải quyết kiến nghị, sử dụng kết quả và lưu giữ hồ sơ.

- Danh sách các phụ lục kèm theo:

(1) Phụ lục I: Tiêu chí đánh giá đối với cán bộ, công chức, viên chức.

(2) Phụ lục II: Các mẫu phiếu đánh giá, xếp loại.

6. Quyết định số 07/2026/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh

Quảng Ninh

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày 10/02/2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

Cơ sở chính trị, pháp lý:

Cụ thể hóa các nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh được quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về dạy thêm học thêm “Điều 8. Trách nhiệm của UBND cấp tỉnh. 2. Ban hành quy định về dạy thêm, học thêm của địa phương, bao gồm các nội dung chủ yếu sau: a) Trách nhiệm của UBND các cấp, các cơ quan quản lý giáo dục và các cơ quan liên quan trong việc thực hiện quy định về dạy thêm, học thêm. b) Việc quản lý và sử dụng kinh phí tổ chức dạy thêm, học thêm; c) Công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm”.

Cơ sở thực tiễn:

Đáp ứng nhu cầu chính đáng của người học và người dạy; khắc phục tình trạng dạy thêm tràn lan gây tác động tiêu cực đến khả năng tự học của học sinh.

- Mục đích ban hành: Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, tăng cường tính minh bạch, công khai và ngăn ngừa các hiện tượng tiêu cực trong hoạt động dạy thêm, học thêm.

c) Nội dung chủ yếu: Quyết định gồm 03 điều. Quyết định ban hành kèm theo hành Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Quy định gồm 04 chương, 09 điều. Cụ thể:

- Phạm vi điều chỉnh:

+ Văn bản này quy định về dạy thêm, học thêm đối với giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên trong và ngoài nhà trường, bao gồm các nội dung được quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT được sửa đổi bổ sung bởi khoản 2 Điều 16 Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT.

+ Các nội dung khác về dạy thêm, học thêm thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định pháp luật có liên quan.

- Đối tượng áp dụng: Quy định này áp dụng đối với người dạy thêm, người học thêm; tổ chức, cá nhân tổ chức dạy thêm, học thêm và các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

- Các quy định chính

+ Quy định trách nhiệm quản lý nhà nước và cơ chế tài chính nhằm đưa hoạt động dạy thêm, học thêm vào nề nếp, đảm bảo quyền lợi của người học và người dạy, trong đó Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp hướng dẫn, tổ chức thực hiện, tuyên truyền, thanh tra, kiểm tra các quy định về hoạt động dạy thêm, học thêm, tổng hợp kết quả và tham mưu sửa đổi quy định; các sở, ngành liên

quan hướng dẫn về đăng ký kinh doanh và quản lý tài chính; UBND cấp xã trực tiếp quản lý, kiểm tra, tiếp nhận khai báo và công khai danh sách các cơ sở dạy thêm hoạt động trên địa bàn.

+ Về kinh phí, các cơ sở giáo dục công lập sử dụng nguồn ngân sách và các nguồn hợp pháp khác theo quy định; đối với cơ sở ngoài nhà trường, mức thu thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên. Toàn bộ hoạt động thu, chi phải đảm bảo tính minh bạch, tuân thủ nghiêm các quy định pháp luật về tài chính, kế toán và thuế.

7. Quyết định số 08/2026/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh quy định phân cấp quản lý chợ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

a) Hiệu lực thi hành:

- Quyết định có hiệu thi hành từ ngày 10/02/2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

Cơ sở chính trị, pháp lý:

Điểm a Khoản 8 Điều 38 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05/6/2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ quy định: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: a) Phân cấp quản lý chợ trên địa bàn tỉnh cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương và các quy định hiện hành; chỉ đạo Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện rà soát, công bố việc phân hạng, phân loại chợ;”

Ngày 12/6/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 139/2025/NĐ-CP quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. Theo đó, tại Điều 17 quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong lĩnh vực quản lý chợ như sau: “Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực quản lý chợ quy định tại điểm a khoản 8 Điều 38; điểm 1 Mục I Phụ lục II; Mục V Phụ lục II Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ”;

Ngày 11/6/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 125/2025/NĐ-CP quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính, theo đó Điều 17 quy định về thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ như sau: “1). Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ cấp huyện được quy định tại khoản 2 Điều 15, khoản 2 Điều 17, điểm a khoản 3 Điều 29 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2). Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp huyện được quy định tại Điều 17, điểm b khoản 2, điểm a khoản 4 Điều 24, điểm a khoản 4 Điều 25, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 28, điểm a khoản 3 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 30,

điểm b khoản 2 Điều 31 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện”;

Cơ sở thực tiễn:

Ngày 16/6/2025, Quốc hội đã ban hành Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2025 thay thế Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15, quy định đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức thành 02 cấp, gồm: cấp tỉnh (tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) và cấp xã (xã, phường, đặc khu) và đặt ra nhiều yêu cầu mới trong hoạt động quản lý nhà nước về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương, phân quyền, phân cấp. Khoản 3 Điều 12 Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2025, chính quyền địa phương tự chủ trong việc ra quyết định, tổ chức thi hành và tự chịu trách nhiệm trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được phân quyền; được phân cấp, ủy quyền thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được phân quyền.

- Mục đích ban hành:

+ Đảm bảo tính hợp pháp, thống nhất, đồng bộ của văn bản quy phạm pháp luật; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước, nâng cao trách nhiệm quản lý nhà nước của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu; tăng cường công tác quản lý nhà nước theo địa bàn.

+ Để tăng tính chủ động trong quản lý, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng chợ và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ góp phần đảm bảo an sinh xã hội, đáp ứng nhu cầu của nhân dân và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

c) Nội dung chủ yếu: Quyết định gồm 03 điều. Quyết định ban hành kèm theo Quy định phân cấp quản lý chợ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Quy định gồm 03 chương, 12 điều, 02 phụ lục. Cụ thể:

- Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định về nội dung phân cấp quản lý chợ; các nội dung khác không nêu trong quy định này, được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 60/2024/NĐ-CP về phát triển và quản lý chợ và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

- Đối tượng áp dụng:

+ Cơ quan chuyên môn có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu được phân cấp quản lý chợ theo địa bàn quản lý.

+ Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, đầu tư xây dựng, kinh doanh chợ.

- Các quy định chính:

+ Quy định về đầu tư xây dựng chợ;

+ Quy định về tổ chức quản lý chợ và hoạt động kinh doanh tại chợ;

+ Quy định về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ do

nhà nước đầu tư, quản lý.

- Danh sách phụ lục kèm theo:

+ Phụ lục 1: Nội quy chợ mẫu;

+ Phụ lục 2: Quy trình chuyển đổi mô hình quản lý, kinh doanh, khai thác chợ.

8. Quyết định số 09/2026/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh quy định về cải tạo, chỉnh trang đối với các khu vực đô thị không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định có hiệu lực từ ngày 10/02/2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

(1) Theo quy định tại Điều 16, Khoản 10 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, quy định UBND tỉnh có nhiệm vụ: "Ban hành quyết định và các văn bản hành chính khác về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình; bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản do mình ban hành khi xét thấy không còn phù hợp hoặc trái pháp luật".

(2) Theo quy định tại Điểm a Khoản 6 Điều 55 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ năm 2024 quy định UBND cấp tỉnh có trách nhiệm: “quy định về cải tạo, chỉnh trang đối với các khu vực đô thị không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động phòng cháy và chữa cháy”.

(3) Tại Điểm a Khoản 1 Điều 42 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP, quy định trách nhiệm của UBND tỉnh: “1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ ở địa phương và có nhiệm vụ cụ thể sau đây: a) Ban hành các quy định về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tại địa phương theo thẩm quyền quy định của pháp luật;...”

(4) Tại điểm 1.1.11 Thông tư số 09/2023/TT-BXD quy định: “Các địa phương được ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương để thay thế, sửa đổi hoặc bổ sung một số quy định... cho phù hợp với điều kiện đặc thù của địa phương, trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và pháp luật về phòng cháy chữa cháy”.

(5) Tại điểm đ, khoản 6, Điều 55 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ năm 2024 quy định “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân loại, lập, công bố danh sách cơ sở không bảo đảm yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy và không có khả năng khắc phục theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tại thời điểm đưa vào hoạt động đến trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành trên địa bàn quản lý; quy

định về cải tạo, chỉnh trang đối với các khu vực đô thị không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động phòng cháy và chữa cháy”.

- Mục đích ban hành: Cụ thể hóa đầy đủ, kịp thời các quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ trong công tác quản lý nhà nước tại địa phương. Đồng thời, tạo cơ sở pháp lý để tổ chức thực hiện việc cải tạo, chỉnh trang các khu vực đô thị không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy.

c) Nội dung chủ yếu: Quyết định gồm 06 điều. Cụ thể

- Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định chi tiết điểm a khoản 6 Điều 55 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15 về nội dung quy định cải tạo, chỉnh trang đối với các khu vực đô thị không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

- Đối tượng áp dụng:

+ Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia công tác cải tạo, chỉnh trang đối với các khu vực đô thị không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

+ Cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến lĩnh vực phòng cháy chữa cháy và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

- Các quy định chính:

+ Tiêu chí xác định khu vực đô thị không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy.

+ Quy định cải tạo, chỉnh trang.

9. Quyết định số 10/2026/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

a) Hiệu lực thi hành:

- Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/02/2026.

- Các dự án điều tra, đánh giá đất đai đã được lập trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành mà chưa được thẩm định, phê duyệt thì thực hiện như sau:

+ Đối với khối lượng công việc đã thực hiện trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì không phải điều chỉnh theo quy định tại Quyết định này.

+ Đối với khối lượng công việc chưa thực hiện thì điều chỉnh theo quy định của Quyết định này.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

Cơ sở chính trị, pháp lý:

Thực hiện triển khai Luật Đất đai năm 2024 và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai, trong đó có nhiều nội dung liên quan đến việc giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ công. Ngày 20/9/2024, Bộ Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 6647/BTNMT-QHPTTND gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề nghị các địa phương ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý đất đai tại địa phương.

Thực hiện Kế hoạch số 177/KH-UBND ngày 10/7/2025 của UBND tỉnh về thực hiện điều tra, đánh giá đất đai trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2026-2030 và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại Quyết định số 3569/QĐ-UBND ngày 09/12/2024; Quyết định số 1464/QĐ-UBND ngày 13/5/2025.

Cơ sở thực tiễn:

Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư số 50/2024/TT-BTNMT ngày 31/12/2024 quy định định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai cấp vùng và cả nước, chưa có định mức cho cấp tỉnh. Vì vậy, việc xây dựng bộ định mức cấp tỉnh là yêu cầu bắt buộc để đảm bảo công tác quản lý đất đai của tỉnh Quảng Ninh có căn cứ pháp lý và tài chính cụ thể, phục vụ việc lập kế hoạch, dự toán, nhiệm vụ, dự án lĩnh vực điều tra, đánh giá đất đai trên địa bàn tỉnh.

- Mục đích ban hành: Nhằm quy định định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai làm cơ sở để tính đơn giá, dự toán và quyết toán giá trị sản phẩm hoàn thành điều tra, đánh giá đất đai trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

c) Nội dung chủ yếu: Quyết định gồm 03 điều. Quyết định ban hành kèm theo Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Quy định gồm 02 chương, 23 điều. Cụ thể:

- Phạm vi điều chỉnh:

(1) Quy định này quy định về Định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh áp dụng cho các công việc sau:

- + Điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai.
- + Điều tra, đánh giá thoái hóa đất.
- + Điều tra, đánh giá ô nhiễm đất.

(2) Định mức này làm căn cứ áp dụng để tính đơn giá, dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ điều tra, đánh giá đất đai sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn Quảng Ninh.

- Đối tượng áp dụng: Cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường các cấp và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến

việc thực hiện điều tra, đánh giá đất đai trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

- Các quy định chính:

+ Quy định về điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai (Định mức lao động; định mức dụng cụ lao động; định mức tiêu hao vật liệu; định mức tiêu hao năng lượng; định mức tiêu hao nhiên liệu; định mức sử dụng máy móc, thiết bị).

+ Quy định về điều tra, đánh giá thoái hóa đất (Định mức lao động; định mức dụng cụ lao động; định mức tiêu hao vật liệu; định mức tiêu hao năng lượng; định mức tiêu hao nhiên liệu; định mức sử dụng máy móc, thiết bị).

+ Quy định về điều tra, đánh giá ô nhiễm đất (Định mức lao động; định mức dụng cụ lao động; định mức tiêu hao vật liệu; định mức tiêu hao năng lượng; định mức tiêu hao nhiên liệu; định mức sử dụng máy móc, thiết bị).

10. Quyết định số 05/2026/QĐ-CTUBND ngày 20 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/02/2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

Trước đây, việc quyết định xác lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản xác lập quyền sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh thực hiện theo quy định tại Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ. Đến nay, Nghị định 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 đã hết hiệu lực và được thay thế bởi Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ “Quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân” và được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 của Chính phủ. Trong đó, tại khoản 5 Điều 105, Nghị định số 77/2025/NĐ-CP (sửa đổi tại khoản 7 Điều 3 Nghị định số 286/2025/NĐ-CP) quy định: “...Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành văn bản phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định tại Nghị định này; trong thời gian chưa ban hành thì tiếp tục thực hiện theo thẩm quyền đã được quy định hoặc phân cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.”.

- Mục đích ban hành:

- Đẩy mạnh và tăng cường hơn nữa thẩm quyền quyết định, nâng cao trách nhiệm, tạo sự chủ động trong thực thi nhiệm vụ được giao của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Hạn chế được việc phát sinh các thủ tục hành chính, dẫn đến chậm trễ trong quá trình xử lý tài sản.

- Thực hiện đúng nguyên tắc quản lý ngân sách, phân cấp nhiệm vụ chi và quan hệ giữa các cấp ngân sách quy định tại Luật Ngân sách nhà nước.

c) Nội dung chủ yếu: Quyết định gồm 07 điều.

- Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh quy định tại Nghị định số 77/2025/NĐ-CP quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 286/2025/NĐ-CP) gồm:

+ Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản do người có thẩm quyền thuộc phạm vi quản lý của địa phương ra quyết định tịch thu (quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại điểm i khoản 11, điểm d khoản 12 Điều 3 Nghị định số 286/2025/NĐ-CP);

+ Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương (quy định tại khoản 2 Điều 43 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung tại điểm i khoản 11 Điều 3, Nghị định số 286/2025/NĐ-CP);

+ Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương (quy định tại khoản 4 Điều 47 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung tại điểm i khoản 11, điểm d khoản 12 Điều 3, Nghị định số 286/2025/NĐ-CP).

- Đối tượng áp dụng:

+ Cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Ủy ban nhân dân cấp xã.

+ Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

- Các quy định chính:

+ Phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do người có thẩm quyền thuộc phạm vi quản lý của địa phương ra quyết định tịch thu (quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung tại điểm i khoản 11, điểm d khoản 12 Điều 3 Nghị định số 286/2025/NĐ-CP).

+ Phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương (quy định tại khoản 2 Điều 43 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung tại điểm i khoản 11 Điều 3, Nghị định số 286/2025/NĐ-CP).

+ Phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương (quy định tại khoản 4 Điều 47 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung tại điểm i khoản 11, điểm d khoản 12 Điều 3, Nghị định số 286/2025/NĐ-CP).

Trên đây là Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành trong tháng 01 năm 2026, Sở Tư pháp xin thông báo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ninh (đăng tải);
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Lưu: VT, TH&PBGDPL.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Huệ